

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ CẨM LIÊN

**TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Mã số: 9229015

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS. Nguyễn Danh Tiên

Người hướng dẫn khoa học



1. PGS.TS. Trịnh Thị Hồng Hạnh



2. TS. Nguyễn Bình

Phản biện 1: PGS.TS. Đinh Xuân Lý

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Phản biện 2: PGS.TS. Hoàng Thị Thắm

Trường Đại học Thương mại

Phản biện 3: TS. Vũ Ngọc Lương

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 8 giờ 00 ngày 04 tháng 04 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam họp, đề ra hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng cho hai miền Nam - Bắc. Trước sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng miền Nam từ phong trào Đồng khởi, Đại hội quyết định tăng cường sự lãnh đạo về các chủ trương, chính sách và tổ chức thực hiện đối với các Đảng bộ miền Nam.

Đại hội thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi), điều 24 quy định Ban Chấp hành có thể cử ra một số ủy viên Trung ương thành lập Trung ương Cục miền Nam phụ trách chỉ đạo công tác Đảng ở những đảng bộ đặc biệt trọng yếu. Trung ương Cục miền Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương. Thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) họp tháng 01/1961 quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam và quy định rõ về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung ương Cục trong tình hình mới.

Tháng 10/1961, Trung ương Cục miền Nam chính thức được thành lập. Về phạm vi lãnh đạo, từ năm 1961 đến năm 1964, Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo kháng chiến trên phạm vi toàn miền Nam. Từ năm 1965 đến năm 1975, phạm vi lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam thu hẹp lại trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (mật danh B2).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mặt trận văn hóa và giáo dục giữ một vị trí quan trọng. Đây chính là nơi diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa nền văn hóa, giáo dục cách mạng mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng của quân và dân Việt Nam với nền văn hóa, giáo dục thực dân mới của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Nền văn hóa, giáo dục cách mạng không chỉ đóng vai trò là phương tiện mở mang dân trí đơn thuần, mà còn là vũ khí sắc bén để xây dựng con người mới, bồi dưỡng lý tưởng, tình cảm cao đẹp và củng cố vững chắc niềm tin tất thắng của quần chúng nhân dân vào sự nghiệp cách mạng.

Nhận thức sâu sắc vị trí và vai trò của mặt trận văn hóa, giáo dục, Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam đã bám sát thực tiễn, đề ra nhiều chủ trương, chỉ đạo kịp thời. Trong bối cảnh chiến

tranh ác liệt, vùng giải phóng thường xuyên biến động với khó khăn về kinh tế, tài chính, Trung ương Cục miền Nam đã lãnh đạo văn hóa, giáo dục đạt được những thành tựu quan trọng: bộ máy tổ chức từng bước được kiện toàn, tập hợp và xây dựng được một đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, giáo viên tràn đầy nhiệt huyết. Đặc biệt, hệ thống giáo dục phổ thông và phong trào bổ túc văn hóa đã phát triển rộng rãi, mạnh mẽ, thu hút hàng chục nghìn học sinh ngay tại các căn cứ địa, vùng giải phóng. Những nỗ lực phi thường và bền bỉ của các văn nghệ sĩ đã tạo ra những tác phẩm văn hóa, văn nghệ phục vụ đắc lực cho công tác tuyên truyền. Các sản phẩm tinh thần ấy đã quy tụ lòng người, khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn của chiến tranh nhân dân, làm thất bại chiến tranh tâm lý của địch.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu, sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục có những hạn chế. Do yêu cầu phải tập trung cao nhất cho chỉ đạo chiến tranh nên có thời điểm chưa đề ra được những chủ trương mang tính toàn diện và bao quát, chất lượng của các sản phẩm văn hóa, giáo dục chưa thực sự đạt mức cao, đội ngũ cán bộ hoạt động trên lĩnh vực này còn mỏng, chưa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi ngày càng lớn của chiến trường. Hơn thế nữa, các căn cứ địa và vùng giải phóng luôn phải đối mặt với sự tác động và chống phá vô cùng mạnh mẽ từ nền văn hóa thực dân mới của kẻ thù.

Hơn nửa thế kỷ đã lùi xa, việc tiếp cận những nhân chứng lịch sử - những con người từng trực tiếp dấn thân vào chốn bưng biền, trực tiếp tham gia kiến tạo nền văn hóa, giáo dục vùng giải phóng là yêu cầu cấp bách, mang một giá trị nhân văn sâu sắc.

Nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh giá thành công, hạn chế, đúc rút kinh nghiệm lịch sử có thể vận dụng trong bối cảnh hiện nay, là cần thiết.

Với những lí do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975. Trên cơ sở đó, đúc rút những kinh nghiệm có giá trị tham khảo và vận dụng vào công tác lãnh đạo văn hóa, giáo dục hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Luận giải những yếu tố tác động đến quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo đối với công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975.

- Phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục ở địa bàn Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ qua hai giai đoạn 1961 - 1968 và 1969 - 1975.

- Đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và đúc rút ra một số kinh nghiệm từ quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục (1961 - 1975).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:*

Luận án tập trung nghiên cứu làm rõ chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam về văn hóa, giáo dục trên một số mặt công tác:

Xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục; Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động văn hóa; Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động giáo dục; Đấu tranh chống văn hóa, giáo dục phản động của địch.

- *Về không gian:*

Luận án tập trung nghiên cứu sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam ở các căn cứ địa, vùng giải phóng ở địa bàn Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, thuộc chiến trường B2.

- Về thời gian:

Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu từ năm 1961 đến năm 1975.

Để đảm bảo tính hệ thống và có sự so sánh, đánh giá đầy đủ hơn, luận án đề cập thêm một số nội dung liên quan trước năm 1961.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, giáo dục.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, trong đó chủ yếu là: phương pháp lịch sử, phương pháp logic; đồng thời sử dụng các phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, điền dã, phỏng vấn,...

4.3. Nguồn tài liệu

Luận án chủ yếu dựa vào các nguồn tài liệu, bao gồm:

- Hệ thống văn kiện Đảng: Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam toàn tập (1961 - 1975) gồm 15 tập, Văn kiện Trung ương Cục miền Nam (1946 - 1975) gồm 18 tập.

- Chỉ thị, bài nói, bài viết của các đồng chí lãnh đạo cách mạng Việt Nam như: đồng chí Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt,... về công tác văn hóa, giáo dục.

- Tài liệu lưu trữ tại các Trung tâm lưu trữ quốc gia, Trung tâm lưu trữ địa phương: Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, III; Lưu trữ tại phòng Khoa học quân sự của Quân khu 7 và Quân khu 9,...

- Các công trình nghiên cứu khoa học; Lịch sử đảng bộ các địa phương, các sách, báo, hồi ký về chiến tranh Việt Nam, về hoạt động văn hóa, giáo dục ở các căn cứ địa, vùng giải phóng ở miền Nam.

- Nguồn tài liệu phỏng vấn một số nhân chứng lịch sử là cán bộ, văn nghệ sĩ từng tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục trong các căn cứ địa, vùng giải phóng ở các tỉnh B2.

5. Đóng góp mới của luận án

- Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, tin cậy phục vụ nghiên cứu về Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục trên chiến trường B2; đóng góp cho việc nghiên cứu một số vấn đề thuộc về hoặc có liên quan đến lịch sử Đảng bộ, lịch sử chiến tranh nhân dân nói chung và lịch sử chuyên ngành văn hóa, giáo dục nói riêng cho các địa phương.

- Góp phần vào việc phục dựng tổng kết, đánh giá quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975.

- Đưa ra những nhận xét khách quan về ưu điểm, hạn chế; chỉ rõ nguyên nhân và đúc kết kinh nghiệm từ quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục ở các căn cứ địa, vùng giải phóng B2.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Luận án góp phần tổng kết quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác, văn hóa tại các căn cứ địa, vùng giải phóng ở địa bàn B2.

- Góp thêm luận cứ khoa học cho việc bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng và phát triển văn hóa, giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Những kinh nghiệm luận án rút ra có thể vận dụng trong lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục hiện nay của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các cấp và ban ngành văn hóa, giáo dục.

- Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy về Đảng lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Luận án còn là tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương; cung cấp những ý tưởng, gợi mở những vấn đề mang tính tham khảo cho công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử các địa phương ở địa bàn B2.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Cuốn sách “*Dans les acquis de Vietcong*” (“Trong căn cứ địa của Việt Cộng”) của Madeleine Riffaud; cuốn sách “*In Retrospect, The Tragedy and Lessons of Vietnam*” (“Nhìn lại quá khứ - Tán tẩm kịch và những bài học về Việt Nam”) của Robert S. Mc Namara; cuốn sách “*The War Behind Me: Vietnam veterans confront the truth about U.S war crimes*” (“Chiến tranh sau lưng tôi: Các cựu chiến binh Việt Nam kể sự thật về những tội ác quân sự của Hoa Kỳ”) của Deborah Nelson; Cuốn sách “*War Without Fronts: The USA in Vietnam*” (“Cuộc chiến không giới tuyến: Nước Mỹ ở Việt Nam”) của Bernd Greiner của Bernd Greiner; bài viết “*Ngo Dinh Diem and South Vietnam Reconsidered*” (“Nhìn nhận lại về Ngô Đình Diệm và miền Nam Việt Nam”) của Philip E. Catton; cuốn sách “*Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*” (“Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ và Số phận của Nam Việt Nam”) của Edward Miller; bài viết “*Higher Education in South Vietnam in 1965-1975: An Approach from The Impacts of The Us Education Aid*” (“Giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam năm 1965 - 1975: Một cách tiếp cận từ tác động của Viện trợ Giáo dục Hoa Kỳ”) của tác giả Lưu Văn Quyết và Nguyễn Thị Mai Hương; cuốn sách “*Building a Republican Nation in Vietnam, 1920 - 1963*” (“Xây dựng một quốc gia Cộng hòa ở Việt Nam, 1920 - 1963”) do Nu-Anh Tran và Tuong Vu; bài viết “*Revolutionary war in Southern Vietnam 1954-1975: A cultural perspective*” (“Chiến tranh cách mạng ở miền Nam Việt Nam 1954 - 1975: Một góc nhìn văn hóa”) của Nguyễn Thị Phương và Hồ Sơn Diệp,...

1.1.2. Tình hình nghiên cứu của các tác giả trong nước

1.1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu đề cập đến văn hóa, giáo dục nói chung trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

*** Các công trình tổng kết kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đề cập đến văn hóa, giáo dục**

Công trình “*Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: thắng lợi và bài học*” của Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn; Công trình “*Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945 - 2000 (Tập II: 1955 - 1975)*” do Đặng Phong chủ biên; Bộ sách “*Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*” của Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Thủ tướng Võ Văn Kiệt làm Chủ tịch Hội đồng, đồng chí Trần Bạch Đằng làm chủ biên; Cuốn “*Những vấn đề chính yếu trong Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*”; Cuốn sách “*Chung một bóng cờ*” do Trần Bạch Đằng chủ biên; Bộ sách “*Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam*” do Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh chủ biên; Cuốn sách “*Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960 - 1977)*” của Hà Minh Hồng và Trần Nam Tiến.

*** Các công trình đề cập đến công tác văn hóa**

Công trình “*Văn học Giải phóng miền Nam*” của Phạm Văn Sĩ; Cuốn sách “*Văn học Việt Nam chống Mỹ, cứu nước*” của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Văn học, do Hoàng Văn Thông chủ biên; Cuốn sách “*Văn hóa văn nghệ Nam Việt Nam 1954 - 1975*” của Trần Trọng Đăng Đàn; Cuốn sách “*Hồi ức 50 năm âm nhạc cách mạng miền Nam*” của Hội âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, do Xuân Hồng chủ biên.

Cuốn sách “*Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Điện ảnh kháng chiến Nam Bộ (1947 - 1997)*” của Hội điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh; Cuốn sách “*Lưu Hữu Phước - cuộc đời và sự nghiệp âm nhạc*”; Cuốn sách “*Vai trò của văn học nghệ thuật và văn nghệ sĩ Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước*” do Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn; Cuốn sách “*Đoàn Văn công Cửu Long trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước*” do Sở

Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Long sưu tầm, biên soạn; Cuốn sách “*Văn nghệ sĩ Đồng Tháp thời kháng chiến (1945 - 1975)*” của Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Đồng Tháp.

*** Các công trình đề cập đến công tác giáo dục**

Cuốn sách “*Sơ thảo 30 năm giáo dục miền Nam 1945 - 1975*” do Trần Thanh Nam chủ biên; Cuốn sách “*Giáo dục cách mạng Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” do PGS.TS Nguyễn Xuân Tế chủ biên; Cuốn sách “*Tọa đàm khoa học Chín năm xây dựng nền giáo dục kháng chiến ở Nam Bộ - Thành quả và kinh nghiệm (1945 - 1954)*” của Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Bài viết “*Xây dựng nền giáo dục dân tộc dân chủ ở vùng căn cứ cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một - Bình Dương trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*” của tác giả Nguyễn Văn Hiệp đăng trên Tạp chí, Nghiên cứu Lịch sử, số 8; Bài viết “*Vài nét khái quát về giáo dục cách mạng Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” của tác giả Trần Thanh Nguyên; Bài viết “*Giáo dục cách mạng Nam Bộ (1954 - 1975) - Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm*” của tác giả Nguyễn Xuân Tế và Đỗ Thị Cường.

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu đề cập đến sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục

*** Các công trình đề cập đến sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến nói chung**

Cuốn sách “*Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*” của Viện Sử học; Cuốn sách “*Quân khu 9 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*” của Bộ Tư lệnh Quân khu 9; Cuốn sách “*Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*” của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh quân khu 9; Cuốn sách “*Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*” của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng do GS.TS Trịnh Nhu (chủ biên) (2008); Cuốn sách “*Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*” của Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng do PGS.TS Nguyễn Quý chủ biên; Cuốn sách “*Lịch sử Đảng bộ Quân khu 7 (1945 - 2005)*” của Đảng ủy quân sự Trung ương, Đảng bộ Quân khu 7; Bộ sách “*Tây Nam Bộ kháng chiến*” của Ban biên soạn Tây

Nam Bộ kháng chiến; Cuốn sách “*Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*” của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 biên soạn; Cuốn sách “*Căn cứ địa cách mạng tỉnh Bình Thuận trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*” của Quân khu 7 - Tỉnh ủy Bình Thuận; Cuốn sách “*Đảng lãnh đạo công tác vận động trí thức ở miền Nam (1954 - 1975)*”, TS. Nguyễn Thắng Lợi chủ biên; Bài viết “*Thành tựu hoạt động, kinh nghiệm lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước*” của GS.TS Trịnh Nhu; Bài viết “*Trung ương Cục miền Nam một thành công của Đảng về tổ chức và lãnh đạo chiến tranh cách mạng*” của Nguyễn Bình.

*** Các công trình đề cập sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với văn hóa, giáo dục**

Cuốn sách “*Giáo dục giải phóng thời kỳ chống Mỹ, cứu nước*” của tác giả Nguyễn Quốc Bảo và Phạm Thanh Liêm (2012); Tập sách “*Họa sĩ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (Tập 1)*” của Bảo tàng Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Cuốn sách “*Bài ca không quên*” của Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam; Cuốn sách “*Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1961 - 1975)*” của Đỗ Văn Biên, Luận án “*Căn cứ địa U Minh trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975)*” của Trần Ngọc Long (2005); Luận án “*Giáo dục cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ (1945 - 1975)*” của Huỳnh Hồng Hạnh,...

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã tổng quan

1.2.1.1. Về tư liệu

Các công trình nghiên cứu về văn hóa, giáo dục nói chung, sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam trong công tác văn hóa, giáo dục ở B2 từ năm 1961 đến năm 1975 nói riêng khá phong phú, đa dạng về thể loại, bao gồm các công trình xuất bản dưới hình thức là sách tham khảo, tạp chí, luận án, luận văn,... Điều này đã chứng tỏ đề tài trên được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu và tìm hiểu.

Đây là nguồn tư liệu quý giá, đáng tin cậy để phục vụ việc nghiên cứu, làm sáng tỏ quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác công tác văn hóa, giáo dục tại các căn cứ địa, vùng giải phóng ở B2.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Những công trình khoa học về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam; về công tác văn hóa, giáo dục ở B2 của các tác giả trong nước và ngoài nước tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử quân sự, Chính trị học, Giáo dục học,... Sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, phân tích, so sánh, tổng hợp, thống kê, logic,... Với nhiều cách tiếp cận và đa dạng trong phương pháp nghiên cứu đã giúp chúng tôi có được sự lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu phù hợp chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2.1.3. Về nội dung

Các công trình nghiên cứu đã đề cập ở tổng quan đã làm rõ những vấn đề cơ bản sau:

- Các công trình nghiên cứu đã trình bày được tình hình, đặc điểm, kết quả, thành tựu đạt được và rút ra một số đặc điểm, kinh nghiệm trong xây dựng và phát triển nền văn hóa, giáo dục kháng chiến ở B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Ghi nhận sống động, toàn diện và khá đầy đủ hoạt động cách mạng của đội ngũ cán bộ, giáo viên và văn nghệ sĩ.

- Các công trình nghiên cứu đều khẳng định mặt trận văn hóa, giáo dục giữ vai trò và vị trí quan trọng, phát huy sức mạnh toàn dân, toàn diện thực hiện nhiệm vụ cách mạng, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Các công trình nước ngoài nhìn, phân tích, đánh giá lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam là một lực lượng chiến đấu anh dũng, kiên cường, họ nhận được sự ủng hộ đông đảo của người dân.

Thông qua nhóm những công trình nghiên cứu trên, có thể khẳng định rằng, cho đến nay chưa có một công trình khoa học nào trùng lặp với đề tài luận án. Chúng tôi có sự kế thừa từ các công trình nghiên cứu trên ở ba vấn đề:

Thứ nhất, sự thành lập, chức năng, nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam; từ đó có cái nhìn bao quát khi đánh giá vai trò, vị trí của văn hóa, giáo dục trong cuộc kháng chiến toàn diện dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1975).

Thứ hai, khai thác, sử dụng các tài liệu đề cập đến sự tái lập các căn cứ địa và vùng giải phóng ở các Quân khu sau phong trào Đồng khởi năm 1960, để viết về sự hình thành các căn cứ địa, vùng giải phóng trên chiến trường các tỉnh B2.

Thứ ba, kế thừa tư liệu về văn nghệ, văn học, điện ảnh, đời sống mới, giáo dục,... vào quá trình triển khai hoạt động văn hóa, giáo dục của các cơ quan, các cấp chính quyền ở B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Thứ nhất, Những nhân tố tác động đến sự hình thành chủ trương của Trung ương Cục miền Nam trong quá trình lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục ở căn cứ địa, vùng giải phóng B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ hai, Chủ trương và sự chỉ đạo công tác văn hóa, giáo dục của Trung ương Cục ở căn cứ địa, vùng giải phóng B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ ba, Nhận xét về ưu điểm, hạn chế trong sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục ở căn cứ địa, vùng giải phóng B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

Thứ tư, Đúc kết những kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng văn hóa, giáo dục của Trung ương Cục miền Nam ở các căn cứ địa, vùng giải phóng B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

Tiểu kết chương 1

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về mặt trận văn hóa, giáo dục kháng chiến của quân và dân các tỉnh B2 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã phản ánh đa dạng về văn nghệ, văn học, điện ảnh, đời sống mới, giáo dục của quân và dân ở các căn cứ địa, vùng giải phóng B2. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ đề cập đến từng mảng, từng nội dung cụ thể, chưa đi sâu nghiên cứu, đầy đủ toàn diện, đặc biệt là chưa đánh giá quá trình lãnh đạo và vai trò của Đảng Lao Động Việt Nam, Trung ương

Cục miền Nam trong lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục ở căn cứ địa, vùng giải phóng B2 từ năm 1961 đến năm 1975.

Từ kết quả trên, những nội dung luận án cần làm rõ, mở rộng, nâng cao về chủ trương, sự chỉ đạo của Đảng, Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục kháng chiến; kết quả, ảnh hưởng, tác động của mặt trận văn hóa, giáo dục đến quân và dân các tỉnh B2.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC (1961 - 1968)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội vùng đất Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (mật danh B2) được xác định là chiến trường trọng điểm của toàn miền Nam Việt Nam và Nam Đông Dương.

Điều kiện địa lý tự nhiên, xã hội ở các tỉnh B2 có tác động lớn đến sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam trong công tác văn hóa, giáo dục. Do đó, Trung ương Cục miền Nam rất chú trọng tới các yếu tố bản địa để xây dựng các căn cứ địa, vùng giải phóng, triển khai hoạt động văn hóa, giáo dục phù hợp với đặc trưng của mỗi địa phương.

2.1.2. Tình hình văn hóa, giáo dục ở các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ trước năm 1961

Từ sau phong trào Đồng khởi năm 1960, cách mạng ở miền Nam có những bước tiến quan trọng: các căn cứ địa, vùng giải phóng ở miền Nam được "hồi sinh", sự ra đời Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam (20/12/1960) với các tổ chức văn hóa, giáo dục trực thuộc Mặt trận đã tạo tiền đề thuận lợi cho Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục ở B2 từ năm 1961 - 1975.

Tuy nhiên, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành các chính sách khủng bố cùng thủ đoạn về về chính trị, kinh tế, quân sự,... trong đó có thủ đoạn về văn hóa, giáo dục. Thực tế đó đòi hỏi Trung ương Cục miền Nam phải nhanh chóng đề ra chủ trương, chỉ đạo thực hiện công tác văn hóa, giáo dục trong giai đoạn mới.

2.1.3. Sự hình thành các căn cứ địa, vùng giải phóng ở các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ

Sau Hiệp định Genève (7/1954), vùng giải phóng bị chính quyền Sài Gòn tái chiếm. Năm 1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập và chỉ đạo xây dựng căn cứ địa miền Nam. Dân số trong các căn cứ địa ở các tỉnh B2 tăng lên nhanh chóng sau phong trào Đồng khởi năm 1960. Việc xây dựng, củng cố và mở rộng các căn cứ địa ở B2 có ý nghĩa chiến lược, tạo nên sức mạnh về vật chất và lực lượng cho cách mạng.

Song song với quá trình tái lập các căn cứ địa cùng với việc đẩy mạnh xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và các tổ chức đoàn thể, vùng giải phóng ngày càng mở rộng.

2.1.4. Đế quốc Mỹ triển khai các chiến lược chiến tranh và yêu cầu đặt ra cho cách mạng miền Nam

Trong những năm 1961 đến năm 1968, đế quốc Mỹ triển khai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" và "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam khiến cuộc chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, từ năm 1961 đến năm 1968, quân dân B2 sử dụng thế trận chiến tranh nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên tất cả các mặt trận, trong đó có mặt trận văn hóa, giáo dục.

2.1.5. Chủ trương của Trung ương Đảng về công tác văn hóa, giáo dục ở miền Nam

Thực tiễn chiến trường miền Nam, trong nước và tình hình quốc tế đặt ra những yếu tố thuận lợi và khó khăn để Đảng hoạch định, bổ sung hoàn thiện đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nét chủ đạo trong đường lối văn hóa, giáo dục của Đảng là xây dựng và phát huy nền văn hóa, giáo dục dân tộc dân chủ nhân dân, phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc;... Từ đó, cổ vũ phong trào thi

đua yêu nước trên các mặt trận khác, góp phần vào thắng lợi chung trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa, giáo dục kháng chiến ở miền Nam chính là “kim chỉ nan” để Trung ương Cục miền Nam đề ra đường lối, chủ trương về văn hóa, giáo dục phù hợp, kịp thời với thực tiễn cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, từ năm 1961 đến năm 1968, chủ trương của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục là: văn hóa, giáo dục có nhiệm vụ phải phục vụ quần chúng và phục tùng nhiệm vụ chính trị của Đảng; từng bước cải thiện đời sống nhân dân về các mặt vật chất, tinh thần, văn hóa. Đồng thời, ra sức phát động quần chúng đứng lên chống địch và tấn công địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa ở khắp mọi vùng; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng”, đề cao “con người mới”.

2.3. TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC

2.3.1. Xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục

**** Xây dựng bộ máy tổ chức văn hóa, giáo dục***

Ngày 23/11/1961, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam chính thức ra đời. Hệ thống tổ chức của Ban Tuyên huấn có Tiểu ban Văn nghệ; Tiểu ban Giáo dục,... Đến ngày 20/7/1961, Hội Văn Nghệ Giải phóng miền Nam được thành lập, bộ phận chủ lực là Đoàn Văn công Giải phóng. Lực lượng vũ trang cũng thành lập một đoàn riêng là Đoàn Văn công Quân Giải phóng (20/12/1962).

**** Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa***

Tiểu ban Văn nghệ thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam và Cục Chính trị thuộc Bộ Chỉ huy Miền tổ chức đào tạo cán bộ, văn nghệ sĩ ở các địa phương thông qua các lớp ngắn hạn. Nổi bật là vai trò của trường nghệ thuật Lam Giang.

**** Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo dục***

Lực lượng giáo viên tham gia công tác giáo dục, đào tạo hầu hết tuyển chọn từ cán bộ, giáo viên miền Bắc được chi viện vào Nam, các nhà trí thức Việt kiều, quân và dân các địa phương ở B2.

2.3.2. Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động văn hóa

**** Xây dựng nội dung văn hóa***

Ngay khi thành lập, Trung ương Cục miền Nam tập trung chỉ đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa - văn nghệ yêu nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng; tích cực chống văn nghệ phản động của địch; gắn việc củng cố và mở rộng các căn cứ địa, vùng giải phóng với xây dựng và phát huy nền văn hóa dân tộc dân chủ nhân dân.

**** Xây dựng phương thức hoạt động văn hóa***

Tổ chức dưới dạng các đoàn văn công biên chế gọn nhẹ (từ 15 đến 25 người); mở các lớp đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn tại căn cứ địa; cử cán bộ, văn nghệ sĩ biểu diễn văn nghệ trong các đợt biểu diễn chào mừng Tết và các ngày lễ lớn, các kì Đại hội đến quy mô nhỏ, linh động (khoảng một tập từ 3 - 5 người); cử cán bộ, văn nghệ sĩ tỏa ra khắp các chiến trường; sử dụng Đài phát thanh Giải phóng và in ấn báo chí cách mạng để phổ biến các hoạt động văn hóa - văn nghệ. Ngoài ra, còn tổ chức các đội chiếu phim, đội triển lãm tranh ảnh phản ánh thời sự, hình thành nếp sống mới, xây dựng một cuộc sống vui tươi, lành mạnh...

2.3.3. Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động giáo dục

**** Xây dựng nội dung, chương trình giáo dục***

Tiểu ban Giáo dục Miền biên soạn bộ sách giáo khoa đầu tiên gồm 24 đầu sách theo chương trình giáo dục thống nhất trên toàn Miền. Nội dung của bộ sách giáo khoa tập trung vào chủ đề chính là: chiến đấu, sản xuất và đời sống văn hóa. Ngoài bộ sách giáo khoa chung, mỗi tỉnh, mỗi huyện cũng chủ trương biên soạn thêm bộ sách giáo khoa riêng cho phù hợp điều kiện địa phương.

**** Xây dựng phương thức hoạt động giáo dục***

Các trường lớp tại căn cứ địa, vùng giải phóng được tổ chức rất linh hoạt. Hệ thống giáo dục chủ yếu gồm: giáo dục phổ thông, các lớp học xóa

mù chữ cho nhân dân và bồi dưỡng văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ. Cán bộ, giáo viên và học sinh vừa học tập, vừa chiến đấu.

2.3.4. Đấu tranh chống văn hóa, giáo dục phản động của địch

Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đế quốc Mỹ cùng chính quyền Sài Gòn đã đưa ra nhiều chính sách, thủ đoạn thâm độc về văn hóa, giáo dục mang tính lai căng, nô dịch để hòng thực hiện ý đồ xâm lược thực dân kiểu mới. Trung ương Cục miền Nam đã thể hiện sự tài trí, nhạy bén để đối phó với đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Mạng lưới tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá, giáo dục và ngay chính nhân dân ở B2 hội tụ đủ phẩm chất, bản lĩnh cách mạng.

Tiểu kết chương 2

Từ năm 1961 đến năm 1968, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam các hoạt động văn hóa, giáo dục kháng chiến được định hình tại các căn cứ địa, vùng giải phóng luôn được triển khai và hoạt động tích cực; dù hoạt động thiếu ổn định, liên tục bị gián đoạn, tùy thuộc vào tình hình chiến sự và hình thái chiến trường. Tuy nhiên, có thể nói, công tác văn hóa, giáo dục trên chiến trường B2, không những giúp quân và dân ở các căn cứ địa, vùng mới giải phóng ngày một trưởng thành hơn, vững vàng hơn về bản lĩnh chính trị, trưởng thành hơn trong việc sử dụng tri thức trong cuộc chiến tranh nhân dân, chống xâm lược; mà còn xây dựng được đời sống văn hóa, giáo dục khá phong phú, sôi nổi với những kết quả đáng khích lệ ở căn cứ, vùng giải phóng.

Chương 3

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM ĐỐI VỚI CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC (1969 - 1975)

3.1. TÌNH HÌNH MỚI TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM VỀ CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC

3.1.1. Tình hình mới tác động đến Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục

3.1.1.1. Đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và yêu cầu mới đặt ra cho cách mạng miền Nam

Bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước (1969 - 1975) có nhiều biến động. Sau Hiệp định Paris năm 1973, tình thế ngày càng có lợi cho lực lượng cách mạng. Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo quân và dân ở các tỉnh B2 tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, kết thúc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3.1.1.2. Tình hình các căn cứ địa, vùng giải phóng ở các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ

Từ năm 1969 đến năm 1971, các căn cứ địa và vùng giải phóng ở B2 gần như rơi vào tình trạng “mất trắng” trước những âm mưu, thủ đoạn chiến tranh mới của đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn. Điều này gây ra khó khăn rất lớn cho sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam.

Sau Hiệp định Paris năm 1973, Trung ương Cục miền Nam chủ trương tăng cường khôi phục, củng cố vững chắc và mở rộng các căn cứ địa, vùng giải phóng. Dân cư trong các căn cứ địa, vùng giải phóng tăng nhanh tạo nên một môi trường sinh hoạt văn hóa, giáo dục với bầu không khí cách mạng sôi nổi, nhiệt huyết.

3.1.1.3. Chủ trương của Trung ương Đảng về công tác văn hóa, giáo dục ở miền Nam

Trong giai đoạn 1969 - 1975, Trung ương Đảng đề ra chủ trương, đường lối về công tác văn hóa, giáo dục tập trung vào việc đáp ứng kịp thời với những chuyển biến mới của cách mạng hai miền Bắc - Nam, nhất là nhu cầu học tập và sinh hoạt văn hóa, giáo dục ngày càng tăng của quân và dân ta ở các căn cứ địa, vùng giải phóng miền Nam. Trung ương Đảng chỉ đạo các cơ quan, ban ngành giáo dục cần tích cực và khẩn trương đề ra kế hoạch cải cách giáo dục thực hiện hệ 12 năm phổ thông, xóa mù chữ và tàn dư của nền giáo dục thực dân; xây dựng con người mới và cuộc sống mới ở miền Nam sau ngày giải phóng.

3.1.2. Chủ trương của Trung ương Cục miền Nam đối với công tác văn hóa, giáo dục

Từ nhận thức mới về âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, Trung ương Cục miền Nam chủ trương ra sức phát huy vai trò của chính quyền cách

mạng, mở rộng và xây dựng căn cứ địa, động viên sức chiến đấu của quân dân B2 vượt qua tình thế khó khăn của cách mạng.

Trung ương Cục miền Nam tích cực đề ra nhiều chủ trương mới về công tác văn hóa, giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao dân trí ngày càng tăng của quân và dân B2; động viên và khích lệ toàn quân, toàn dân tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3.2. TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC VĂN HÓA, GIÁO DỤC

3.2.1. Xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục

**** Xây dựng bộ máy tổ chức văn hóa, giáo dục***

Từ ngày 6 đến ngày 8/6/1969, Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam nhất trí thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam, tổ chức bộ máy có Bộ Thông tin - Văn hóa và Bộ Giáo dục - Thanh niên là những cơ quan có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện mọi chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng, chăm lo về công tác giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ở miền Nam.

**** Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa***

Trong hai năm 1969 - 1970, Trung ương Cục miền Nam đã cử các nghệ sĩ về làm việc với các đoàn thuộc khu vực Tây Nam Bộ, giúp đoàn dàn dựng các tiết mục và huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho diễn viên trong đoàn. Đến năm 1970, một đoàn cán bộ điện ảnh từ Bắc vào tăng cường cho Xưởng phim Giải phóng gồm các nhà quay phim,...

**** Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo dục***

Tiểu ban Giáo dục Trung ương Cục Miền Nam đã mở hai khoá huấn luyện cán bộ giáo dục tỉnh, huyện; với mục đích giúp đào tạo một số cán bộ giáo dục cho các địa phương. Sau ngày Hiệp định Paris năm 1973, giáo dục ở các căn cứ địa và vùng giải phóng có thuận lợi cơ bản để xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ, giáo viên, mở rộng trường lớp.

3.2.2. Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động văn hóa

**** Xây dựng nội dung văn hóa***

Từ năm 1969 đến năm 1975, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng và phát triển một nền văn hóa - văn nghệ yêu nước,

phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng; tích cực chống văn nghệ phản động của địch. Gắn việc củng cố và mở rộng các căn cứ địa, vùng giải phóng với xây dựng và phát huy nền văn hóa dân tộc dân chủ nhân dân.

*** *Phương thức hoạt động văn hóa***

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ được đẩy mạnh, các cán bộ làm công tác văn nghệ của Trung ương Cục miền Nam không chỉ bó hẹp trong phạm vi ở căn cứ địa mà đã toả đi khắp các chiến trường, vào các đô thị, vùng tạm chiếm, kể cả đi tham gia các hoạt động triển lãm, biểu diễn quảng bá mỹ thuật cách mạng ở nước ngoài nhằm khích lệ tinh thần đấu tranh của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên khắp miền Nam, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3.2.3. Chỉ đạo nội dung và phương thức hoạt động giáo dục

*** *Xây dựng nội dung, chương trình giáo dục***

Ngày 10/4/1972, Tiểu ban Giáo dục đề nghị Trung ương chi viện nhiều tài liệu sách vở và phương tiện in ấn sách. Tài liệu sách vở chủ yếu là: chương trình sách giáo khoa, các tài liệu nghiệp vụ và chuyên môn khác, tài liệu tham khảo nghiên cứu, bổ túc văn hóa, sách văn nghệ. Nội dung học tập chủ yếu là dạy văn hóa, các kiến thức về toán, lý, hóa, văn, sử, địa, v.v... Đối tượng được giáo dục, đào tạo là con em của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Nội dung công tác giáo dục ở các căn cứ địa và vùng giải phóng tập trung vào bốn vấn đề: giáo dục phổ thông, bình dân học vụ, giáo dục đại học và chuyên nghiệp, xoá bỏ tàn tích và ngăn chặn ảnh hưởng của văn hóa giáo dục địch vào vùng giải phóng đồng thời ra sức xây dựng lực lượng giáo dục (bộ máy giáo dục) cho vùng giải phóng.

*** *Phương thức hoạt động giáo dục***

Giáo dục cách mạng trong thời gian này tập trung vào các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ. Từ sau Hiệp định Paris năm 1973, phong trào giáo dục trên toàn miền được đẩy mạnh, việc khôi phục, củng cố và phát triển giáo dục ở vùng giải phóng gắn liền với cuộc đấu tranh mở rộng vùng giải phóng, giành quyền làm chủ của nhân dân. Giải

phóng đến đâu, mở trường lớp đến đó. Phát triển hệ thống giáo dục toàn diện, phù hợp từng lứa tuổi và từng đối tượng.

3.2.4. Đấu tranh chống văn hóa, giáo dục phản động của địch

Từ sau năm 1968, phong trào văn nghệ phản chiến trong giới sinh viên diễn ra mạnh mẽ như: phong trào hát “Sử ca”, “Kháng chiến ca” ở các đô thị miền Nam có từ trước đó nay khởi động lại. Phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe” ra mắt (27/12/1969). Trung ương Cục đã cử cán bộ, văn nghệ sĩ rời các căn cứ địa, vùng giải phóng vào vùng ven, vùng đô thị để hỗ trợ phát triển phong trào văn nghệ của học sinh - sinh viên.

Trong công tác giáo dục, từ năm 1971, Trung ương Cục miền Nam tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy trong công tác giáo dục ở vùng nông thôn; ngành giáo dục được xác định là một mũi tấn công chương trình bình định nông thôn của địch

Tiểu kết chương 3

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam công tác văn hóa, giáo dục giai đoạn (1969 - 1975) được nâng lên một tầm cao mới và đạt những kết quả khích lệ; hướng tới xây dựng nền văn hóa, giáo dục có tính chất xã hội chủ nghĩa; xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, không những bồi dưỡng, nâng cao tri thức khoa học, mà còn bồi dưỡng những phẩm chất cao quý, bồi dưỡng khí chất chủ nghĩa anh hùng cách mạng để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, cùng cả dân tộc đưa sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước đến thắng lợi cuối cùng.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Trung ương Cục miền Nam nhận thức ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn về vai trò của văn hóa, giáo dục kháng chiến, kịp thời đề ra chủ trương về công tác văn hóa, giáo dục phù hợp thực tiễn của cuộc kháng chiến và nhiệm vụ cách mạng.

Hai là, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo công tác văn hóa, giáo dục ở các căn cứ địa, vùng giải phóng B2.

Ba là, Công tác văn hóa, giáo dục đạt được kết quả to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4.1.1.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

Sự ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng dân chủ tiến bộ và phong trào phản chiến ở khắp nơi trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam trong lĩnh vực giáo dục và văn nghệ,...

Nguyên nhân chủ quan

Đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Đảng Lao động Việt Nam, cùng đó là chủ trương, sự chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo của Trung ương Cục miền Nam

Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp là Ban Tuyên huấn, các chi bộ đảng và các ban, ngành ở các địa phương B2 đã tổ chức triển khai thực hiện công tác văn hóa, giáo dục kịp thời, hiệu quả.

Trong quá trình lãnh đạo, Trung ương Cục miền Nam đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, tận tâm với công cuộc cách mạng.

Quân và dân ở các tỉnh Nam Bộ và cực Trung Nam Bộ đã tích cực tham gia sôi nổi vào các hoạt động văn hóa - văn nghệ, giáo dục,...

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, Ở một số thời điểm, Trung ương Cục miền Nam chưa đề ra được chủ trương, chính sách đầy đủ, toàn diện về công tác văn hóa, giáo dục kháng chiến.

Hai là, Sự chỉ đạo công tác giáo dục của Trung ương Cục miền Nam có lúc chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập của quân và dân B2.

Ba là, Nội dung, hình thức biểu đạt của nền văn hóa, giáo dục kháng chiến vẫn còn những mặt bất cập, hạn chế nhất định.

4.1.2.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

Chủ trương và quá trình chỉ đạo công tác văn hóa, giáo dục của Trung ương Cục miền Nam chịu sự tác động của bối cảnh lịch sử, tương quan lực lượng giữa Mỹ, quân đội Sài Gòn và Quân Giải phóng miền Nam trên chiến trường B2...

Về nguyên nhân chủ quan

Phần lớn các cán bộ, văn nghệ sĩ, giáo viên của ta có trình độ chuyên môn còn thấp, đa số tự học, hoặc học các khóa học cấp tốc ngắn hạn, phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị tổn thất lực lượng nghiêm trọng,...

4.2. KINH NGHIỆM

4.2.1. Quán triệt, nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của công tác văn hóa, giáo dục trong cuộc kháng chiến

4.2.2. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ công tác văn hóa, giáo dục tại các căn cứ địa, vùng giải phóng

4.2.3. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục, văn nghệ sĩ, giáo viên, nhất là thế hệ trẻ

4.2.4. Dựa vào nhân dân và lấy mục tiêu vì nhân dân để phát triển văn hóa, giáo dục

4.2.5. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục tại chỗ với việc sử dụng đội ngũ cán bộ được chi viện từ miền Bắc

KẾT LUẬN

1. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là một chiến công hiển hách trên mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao,... mà còn là sự toàn thắng của mặt trận tư tưởng, văn hóa. Quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục tại chiến trường trọng điểm B2 từ năm 1961 đến năm 1975 là một minh chứng sinh động cho tầm nhìn chiến lược của Đảng: đưa văn hóa, giáo dục từ những hoạt động tinh thần thuần túy trở thành một mặt trận trọng yếu, một vũ khí chính trị, tư tưởng sắc bén để chống lại chủ nghĩa thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, đường lối văn hóa, giáo dục kháng chiến đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, phát triển từ thấp đến cao, bám sát và phục vụ đắc lực cho từng giai đoạn cách mạng.

Những năm 1961 - 1968 là giai đoạn “kiến tạo nền móng và trực tiếp phục vụ chiến đấu”. Công tác văn hóa, giáo dục hoạt động theo phương châm cơ động, linh hoạt, len lỏi vào từng xóm ấp, chiến hào nhằm thực hiện nhiệm vụ cấp bách là xóa mù chữ, bồi dưỡng ý chí chiến đấu và chống nền văn hóa nô dịch. Giai đoạn này đã rèn giũa nên hình mẫu "con người mới" mang đậm chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Những năm 1969 - 1975 là giai đoạn “thể chế hóa và khẳng định tính chính danh”. Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo văn hóa, giáo dục gắn với việc kiến thiết thiết chế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Từ thế phòng ngự, bảo tồn văn hóa, giáo dục chuyển sang thế tiến công, mở rộng từ căn cứ địa ra vùng tranh chấp và đô thị, trở thành minh chứng sống động cho bản chất ưu việt, tốt đẹp của chế độ dân chủ nhân dân.

3. Thành tựu nổi bật dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam đạt được trên mặt trận này chính là xây dựng thành công một “thế trận lòng dân” vững chắc và hun đúc nên cốt cách cách mạng đặc trưng của quân và dân ở cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Đó là lòng yêu nước quật khởi, ý chí căm thù giặc sâu sắc; không ngại khó khăn, gian khổ, hiểm nguy; một lòng một dạ trung thành tuyệt đối, sẵn sàng hy sinh tính

mạng vì Đảng, vì đất nước; tinh thần đoàn kết, ham học hỏi, cầu thị, dám nghĩ dám làm, tiên phong trong mọi phong trào; tính cách đôn hậu, cởi mở, hào sảng, gan dạ, dũng cảm và mưu trí.

4. Nhìn nhận một cách khách quan, chiến trường B2 là một trong những địa bàn xung yếu quan trọng bậc nhất, là nơi tập trung các cơ quan quyền lực về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục,... của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, là chiến trường trọng điểm của toàn miền Nam. Do đó, quá trình lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam có những hạn chế. Sự tàn phá của bom đạn, sự xáo trộn liên tục của các căn cứ địa đã khiến việc lãnh đạo có lúc lúng túng, cục bộ, thiếu một chiến lược mang tính tổng thể dài hạn. Lực lượng cán bộ, văn nghệ sĩ, giáo viên phải tự lực cánh sinh hoặc "vừa học vừa làm" trong điều kiện thiếu thốn trăm bề. Tuy nhiên, chính trong gian nan, vất vả và hiểm nguy đó, sự linh hoạt, nhạy bén và năng lực thích ứng phi thường của Trung ương Cục miền Nam cùng tinh thần hy sinh quên mình của đội ngũ trí thức, giáo viên và văn nghệ sĩ càng tỏa sáng rực rỡ, vượt lên mọi nghịch cảnh để hoàn thành sứ mệnh lịch sử.

5. Nghiên cứu quá trình Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo công tác văn hóa, giáo dục từ năm 1961 đến năm 1975 rút ra năm kinh nghiệm: 1) Quán triệt, nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của công tác văn hóa, giáo dục trong cuộc kháng chiến. 2) Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ công tác văn hóa, giáo dục tại các căn cứ địa, vùng giải phóng. 3) Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục, văn nghệ sĩ, giáo viên, nhất là thế hệ trẻ. 4) Dựa vào nhân dân và lấy mục tiêu vì nhân dân để phát triển văn hóa, giáo dục. 5) Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, giáo dục tại chỗ với việc sử dụng đội ngũ cán bộ được chi viện từ miền Bắc.

Những kinh nghiệm trên có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc vận dụng trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Cẩm Liên, Cao Xuân Long (2021), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và ý nghĩa trong đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay*”, *Tap chí Revista de Investigaciones Universidad del Quindío (University of Quindío réarch jonrnal)*, số 33, ISSN: 179-631X e-ISSN: 2500-5782.
2. Ngô Thị Cẩm Liên (2023), “*Hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến ở miền Nam (1961 - 1975)*”, *Tap chí Lịch sử Đảng*, số 384, ISSN: 0936 - 8477.
3. Ngô Thị Cẩm Liên (2024), “*Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo phát triển văn hóa, văn nghệ - Những thành tựu đạt được trên địa bàn Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (1961-1968)*”, tại trang <https://tapchilichsudang.vn/trung-uong-cuc-mien-nam-lanh-dao-phat-trien-van-hoa-van-nghe-nhung-thanh-tuu-dat-duoc-tren-dia-ban-nam-bo-va-cuc-nam-trung-bo-1961-1968.html>.